

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN**

Căn cứ vào Điều 32, Điều 33, Điều 34, Điều 35 của Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ khoản 2 Điều 212 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án ngày 12 tháng 01 năm 2021 và yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành của các bên tham gia hòa giải.

**XÉT THẤY:**

Các bên khi tham gia hòa giải có đầy đủ năng lực hành vi dân sự; các bên là người có quyền, nghĩa vụ đối với nội dung thỏa thuận và nội dung thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của Luật, không trái đạo đức xã hội, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ với Nhà nước hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác;

Đã hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án nhận được biên bản ghi nhận kết quả hòa giải và tài liệu kèm theo, các bên không có sự thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án giữa các bên:**

Người khởi kiện: anh **Huỳnh Trường G** – sinh năm: 1980

Địa chỉ: khóm A, thị trấn CDV, huyện PT, tỉnh Cà Mau

Người bị kiện: chị **Trần Thị L** – sinh năm: 1981

Địa chỉ: ấp A, xã PTĐ, thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu

**2. Nội dung hòa giải thành được công nhận:**

**2.1. Về hôn nhân:** anh Huỳnh Trường G và chị Trần Thị L tự nguyện thuận tình ly hôn.

**2.2. Về con chung:** anh Huỳnh Trường G và chị Trần Thị L thống nhất có hai người con chung tên Huỳnh Phúc Đ – sinh ngày 13/4/2011 và Huỳnh Anh D – sinh ngày 24/5/2015 hiện do chị Trần Thị L đang nuôi dưỡng, chăm sóc và không có con nuôi. Khi ly hôn Giang và chị L thống nhất để con chung cho chị L được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Do chị L không có yêu cầu nên anh G không phải cấp dưỡng nuôi hai con chung. Anh G không trực tiếp nuôi con nhưng anh G có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

**2.3. Về tài sản và nợ chung:** anh Huỳnh Trường G và chị Trần Thị L thống nhất không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét

giải quyết.

3. Các đương sự có quyền đề nghị xem xét lại quyết định trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kiến nghị xem xét lại quyết định trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định.

*Nơi nhận:*

- VKSND T.X Giá Rai
- UBND nơi đăng ký kết hôn
- Các đương sự;
- Lưu.

**Thẩm phán**

**Lê Quốc Khởi**